

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị M và anh N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Diễm M, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M và anh N vắng mặt (chị M có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Diễm M trình bày:

Chị và anh Phan Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Hậu Giang. Hôn nhân do tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khi có con thì phát sinh mâu thuẫn, anh N bỏ đi và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với chị cho đến nay. Vì vậy, chị xin ly hôn anh N.

Trong thời gian chung sống, chị và anh N có 01 con chung tên Phan Đăng Khoa, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được

nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đỗ Thị Diễm M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phan Văn N. Anh N là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M.

Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Diễm M và anh Phan Văn N chung sống có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của chị M và anh N được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, chị M cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến khi có con thì xảy ra mâu thuẫn, anh N tự bỏ đi và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với chị. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh N.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị M, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị M và anh N đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt, không có ý kiến.

Theo lời xác nhận của mẹ ruột anh N là bà Võ Thị Nhuận thì anh N sống cùng hộ khẩu với bà tại địa chỉ ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh Bến Tre. Hiện tại, anh N đi làm xa, thỉnh thoảng có về thăm nhà.

Chị M và anh N đi làm xa nên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân gì thì bà không rõ. Chị M và anh N có 01 con chung tên Phan Đăng Khoa, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017, không có tài sản chung, không có nợ chung. Khoa sống với chị

M bên nhà cha mẹ ruột của chị M ở Hậu Giang từ nhỏ cho đến nay. Theo bà biết, chị M và anh N đã không sống chung với nhau đến nay khoảng 03 năm. Anh N chạy xe từ Nam ra Bắc nên không về tham gia giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án được nhưng anh có điện thoại về nói là Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị M và anh N đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M để giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị M khai chị và anh N có 01 con chung tên Phan Đăng Khoa, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung chưa thành niên là Phan Đăng Khoa do chị M nuôi dưỡng từ nhỏ, điều này cũng được mẹ ruột của anh N xác nhận. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung thì cần giao con chung cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nhưng chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị M khai chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Diễm M.

Chị Đỗ Thị Diễm M được ly hôn anh Phan Văn N.

Về con chung: Chị Đỗ Thị Diễm M và anh Phan Văn N có 01 con chung tên Phan Đăng Khoa, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2017, đang sống chung với chị Đỗ Thị Diễm M.

Chị Đỗ Thị Diễm M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ghi nhận chị Đỗ Thị Diễm M không yêu cầu anh Phan Văn N cấp dưỡng cho con.

Anh Phan Văn N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Đỗ Thị Diễm M khai chị và anh Phan Văn N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011485 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phụng Hiệp;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Trang